

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST

Ngày 30 – 03 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Ông Phương Văn Tư

Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 03 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lưu Văn T; Sinh ngày 21 tháng 02 năm 1984 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn N (Đã chết) và bà Bào Thị S, sinh năm 1946; Vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1984; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Lưu Văn L; Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1996 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn H, sinh năm 1968 và bà Hứa Thị X, sinh năm 1971; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2022 đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Những người làm chứng:

- Lưu Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Tiêu Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hoàng Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 10 phút ngày 24/10/2022 tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã N, huyện T và Đoàn Biên phòng N, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng làm nhiệm vụ tại xóm L, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện một nhóm người tụ tập có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra thấy hai đối tượng là Lưu Văn T và Lưu Văn L đang ngồi ăn cơm. Qua kiểm tra phát hiện và tạm giữ trong túi quần phía trước bên trái của T đang mặc 01 gói nhỏ được gói bằng nilon màu xanh, bên trong có 01 gói nhỏ được gói bằng giấy bạc màu vàng, trong cùng là các cục chất bột màu trắng, T khai là ma túy, loại heroine và số tiền 200.000 đồng.

Kiểm tra phát hiện và tạm giữ trong túi quần phía trước bên trái của Lưu Văn L 01 bao thuốc lá màu vàng nhãn hiệu GOLD LION, bên trong bao thuốc có 01 gói nhỏ giấy bạc màu vàng chứa các cục chất bột màu trắng, L khai là ma túy, loại heroine; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu đen và số tiền 400.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lưu Văn T phát hiện và tạm giữ 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 dao lam trên tủ đựng bát đĩa; 01 dao lam trên bàn trong buồng ngủ có bám dính chất bột màu trắng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lưu Văn T khai nhận, bản thân nghiện ma túy. Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là sáng ngày 24/10/2022 T điều khiển xe mô tô BKS 11K1-128.93 từ nhà đến xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng mua với một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 1.100.000 đồng, mục đích để bản thân sử dụng và bán lại kiếm lời. Hình thức giao dịch là người mua gọi điện thoại trước cho bị cáo hoặc đến nhà gặp trực tiếp bị cáo để mua ma túy. Từ tháng 8/2022 bị cáo Lưu Văn T đã được bán ma túy cho những người sau:

Bán cho Tiêu Văn T là người cùng xóm 02 lần, mỗi lần 100.000 đồng;

Bán cho Lưu Văn H là người cùng xóm 03 lần, trong đó 02 lần mỗi lần bán 100.000 đồng, 01 lần bán 200.000 đồng;

Ngoài ra T còn được bán cho nhiều người khác nhưng không biết họ tên, địa chỉ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lưu Văn L khai bản thân sử dụng ma túy từ cuối năm 2021. Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là sáng ngày 24/10/2022 L lên xóm L, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng nhờ một người đàn ông không quen biết mua ma túy với số tiền 1.000.000 đồng, L trả tiền công cho người đó 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L sử dụng một ít, còn lại L gói lại mang về nhà. Trưa ngày 24/10/2022 L lên nhà T ăn cơm thì bị Công an bắt quả tang.

Ngày 24/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng vật chứng vụ án, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả cân số chất bột màu trắng thu giữ của bị cáo Lưu Văn T có khối lượng là 0,73 gam, của bị cáo Lưu Văn L có khối lượng 0,53 gam. Tại Bản kết luận giám định số 343/GĐMT ngày 31/10/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận “02 (Hai) Mẫu chất bột màu trắng bên trong 02 (Hai) phong bì niêm phong gửi giám định đều là ma túy, loại: *Heroine*”. Các bị cáo đều nhất trí với kết quả cân khối lượng xác định vật chứng vụ án và Kết luận giám định.

Bản Cáo trạng số: 16/CT-VKSTK ngày 28/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Lưu Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Lưu Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lưu Văn L từ 01 (Một) đến 02 (Hai) năm tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án là chất ma túy còn lại sau giám định, 02 dao lam của bị cáo Lưu Văn T; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo Lưu Văn T, 01 điện thoại di động của bị cáo Lưu Văn L; ½ Giá trị xe mô tô BKS 11K1-128.93 nhãn hiệu Yamaha Sirius đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo Lưu Văn T số tiền 200.000 đồng (nhưng đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án); Trả lại cho bị cáo Lưu Văn L số tiền 400.000 đồng; Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N ½ giá trị chiếc xe mô tô BKS 11K1-128.93 nhãn hiệu Yamaha Sirius đã qua sử dụng.

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử truy thu đối với bị cáo Lưu Văn T số tiền 600.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Lưu Văn T đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội. Bị cáo Lưu Văn L không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Điều tra viên Công an huyện Trùng Khánh; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra về những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án. Kiểm sát viên và các bị cáo không đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:* Căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các vật chứng thu giữ; Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng vụ án; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được thu thập hợp pháp. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/10/2022 bị cáo Lưu Văn T đã bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng 0,73 gam heroine, mục đích bán thân sử dụng và bán kiếm lời. Bị cáo T đã bán ma túy 05 lần cho 02 người, thu lợi bất chính số tiền 600.000 đồng. Bị cáo Lưu Văn L bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, khối lượng 0,53 gam heroine, mục đích để bản thân sử dụng.

Hành vi của bị cáo Lưu Văn T đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Lưu Văn L đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh truy tố các bị cáo ra trước Tòa án

là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] *Về tính chất mức độ hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, được thực hiện với lỗi cố ý gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục bị cáo sau này trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Các bị cáo đều có nhân thân xấu, nghiện ma túy.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] *Hình phạt bổ sung:* Các bị cáo đều làm nghề trồng trọt, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với các vật chứng là chất ma túy còn lại sau khi trích mẫu gửi giám định, là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 02 dao lam của bị cáo Lưu Văn T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định 01 dao lam bị cáo sử dụng vào việc phạm tội là vật chứng vụ án, 01 dao lam bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 điện thoại di động của bị cáo Lưu Văn T và 01 điện thoại di động của bị cáo Lưu Văn L, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo đều sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán ma túy nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 200.000 đồng của bị cáo Lưu Văn T và số tiền 400.000 đồng của bị cáo Lưu Văn L, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng cần tạm giữ số tiền 200.000 đồng của bị cáo Tuấn để đảm bảo thi hành án;

- Đối với xe mô tô BKS 11K1-128.93 nhãn hiệu Yamaha Sirius đã qua sử dụng, giấy tờ xe mang tên bị cáo Lưu Văn T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chiếc xe là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, thuộc quyền sở hữu chung của bị cáo Lưu Văn T và vợ bị cáo là bà Hoàng Thị N. Bị cáo sử dụng xe đi mua ma túy bà N không biết nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô và trả lại cho bà Nghi $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe mô tô.

[7] *Các vấn đề khác:*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo Lưu Văn T đã được bán ma túy 05 lần cho 02 người, thu lợi bất chính 600.000 đồng nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

Về các đối tượng nghiện ma túy đã mua ma túy với bị cáo để sử dụng, hành vi không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Công an huyện Trùng Khánh cần xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” đối với các đối tượng trên để đảm bảo phòng ngừa chung.

Về người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo T và người đàn ông mua hộ ma túy cho bị cáo L, trong quá trình điều tra không xác định được lai lịch cụ thể nên Hội đồng xét xử không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án. Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra và xử lý theo quy định pháp luật khi có đủ căn cứ chứng minh.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Văn L 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng vụ Lưu Văn L – Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 24/10/2022 tại: xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng”. Mặt sau phong bì niêm phong trên có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng vụ Lưu Văn T – Tàng trữ trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 24/10/2022 tại: xóm L, xã N, huyện T, Cao Bằng”. Mặt sau phong bì niêm phong trên có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

+ 01 (Một) phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Dao lam phát hiện, thu giữ trong buồng ngủ của Lưu Văn T, ngày 24/10/2022, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T.

+ 01 (Một) phong bì thư đã được niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Dao lam phát hiện, thu giữ trên tủ gỗ đựng bát đĩa trong gian bếp của Lưu Văn T, ngày 24/10/2022, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia và đóng 04 (bốn) hình dấu đỏ của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động bên trong 01 (một) phong bì thư niêm phong lại, mặt trước ghi: “01 (một) điện thoại di động tạm giữ đối với Lưu Văn Tuấn ngày 24/10/2022”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

+ 01 điện thoại di động bên trong 01 (một) phong bì thư niêm phong lại, mặt trước ghi: “01 (một) điện thoại di động tạm giữ đối với Lưu Văn L ngày 24/10/2022”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng 04 (bốn) hình con dấu mực đỏ của Cơ quan CSĐT – Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

+ ½ Giá trị xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xám đen, biển kiểm soát 11K1-128.93, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N ½ giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn xám đen, biển kiểm soát 11K1-128.93, xe đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn T và số tiền 200.000 đồng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn L số tiền 400.000 đồng.

(Xác nhận toàn bộ vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/02/2023).

3. Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 600.000 đồng đối với bị cáo Lưu Văn T, do bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lưu Văn T, Lưu Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các

bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị N có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Lưu HSVA, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lịch